TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 9 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 06/2020/QĐST - KDTM	*Quận 9, ngày 05 tháng 3 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 26 tháng 02 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 65/2019/TLST – KDTM ngày 02/12/2019.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự là không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty C.
Trụ sở: đường T, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
Đại diện theo ủy quyền: ông P, sinh năm: 1995
Địa chỉ liên hệ: đường T, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Văn bản ủy quyền ngày 11/9/2019).

Bị đơn: Công ty H
Trụ sở: đường V, phường Tăng Nhơn Phú A, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông S, sinh năm: 1987

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Đặng Ngọc S, sinh năm: 1987
Hộ khẩu thường trú: xã H, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
Địa chỉ liên lạc: đường C, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Công ty H có trách nhiệm thanh toán cho Công ty C số tiền tính đến ngày 26/02/2020 là 1.885.353.194 đồng (Một tỷ tám trăm tám mươi lăm triệu ba trăm năm

mươi ba ngàn một trăm chín mươi tư đồng) trong đó: nợ gốc là 1.422.129.590 đồng (một tỷ bốn trăm hai mươi hai triệu một trăm hai mươi chín ngàn năm trăm chín mươi đồng), nợ lãi trong hạn là 385.732.785 đồng (ba trăm tám mươi lăm triệu bảy trăm ba mươi hai ngàn bảy trăm tám lăm đồng), nợ lãi chậm thanh toán tính đến ngày 26/02/2020 là 77.490.819 đồng (bảy mươi bảy triệu bốn trăm chín mươi ngàn tám trăm mười chín đồng) theo hợp đồng thuê số B180528901 ngày 19/6/2018 và số B180616701 ngày 02/7/2018. Về thời hạn thanh toán cụ thể như sau:

- Chậm nhất ngày 25/3/2020 thanh toán 55.000.000 đồng.
- Từ tháng 4/2020 đến tháng 10/2020 chậm nhất là ngày 25 dương lịch hàng tháng, thanh toán 110.000.000 đồng.
- Từ tháng 11/2020 trở đi, chậm nhất vào ngày 25 dương lịch hàng tháng, Công ty H có trách nhiệm thanh toán cho Công ty C số tiền 55.000.000 đồng/tháng cho đến khi thanh toán dứt nợ.

Kể từ ngày 27/02/2020 thì Công ty H phải chịu tiền lãi chậm thanh toán tính trên nợ gốc còn lại với mức lãi suất quy định tại Hợp đồng thuê số B180528901 ngày 19/6/2018 và số B180616701 ngày 02/7/2018 đã ký kết cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Trường hợp, Công ty H vi phạm bất kỳ đợt thanh toán nào thì Công ty H phải thanh toán một lần hết toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi nêu trên.

Trường hợp Công ty H không thanh toán đầy đủ một lần số tiền thuê còn nợ nêu trên, buộc Công ty H giao trả các Tài sản thuê là một xe ô tô đầu kéo, Hiệu: International, Số khung: SJR6DN333833, Số máy: 5HM2Y4162104, Biển số: 50LD-108.91; 01 xe ô tô đầu kéo, Hiệu: International, Số khung: SJR5DN419604, Số máy: 5HM2Y4167564, Biển số: 50LD-109.16; 01 sơ mi rơ mooc tải (chở container), Hiệu: KCT, Số khung: F3XAJA000059, Biển số: 50R-024.00; 01 sơ mi rơ mooc tải (chở container), Hiệu: KCT, Số khung: F3XAJA000058, Biển số: 50R-023.20 để Công ty C xử lý và cấn trừ vào số tiền thuê mà Công ty H còn nợ nói trên.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý Tài sản thuê không đủ để thanh toán các khoản nợ thì buộc Công ty H tiếp tục thanh toán cho Công ty C cho đến khi trả hết nợ.

Trường hợp Công ty H không giao trả tài sản thuê hoặc số tiền thu được từ việc xử lý Tài sản thuê không đủ để thanh toán các khoản nợ thì buộc ông S có trách nhiệm liên đới tiếp tục thanh toán cho Công ty C cho đến khi trả hết nợ theo thư bảo lãnh lập ngày 19/6/2018 và ngày 02/7/2018.

Ngày Công ty H thanh toán xong nợ gốc và lãi cho Công ty C thì Công ty C có nghĩa vụ thanh lý hợp đồng thuê B180528901 ngày 19/6/2018 và số B180616701 ngày 02/7/2018 và trả lại cho Công ty H bản chính: giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 379195 do Công an Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 02/7/2018 của xe ô tô đầu kéo, Hiệu: International, Biển số: 50LD-108.91; giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 379198 do Công an Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 02/7/2018 đối với xe ô tô đầu kéo, Hiệu: International, Biển số: 50LD-109.16; giấy chứng nhận đăng ký rơ mooc số 024437 do Công an Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 16/7/2018 đối với sơ mi rơ mooc tải, Hiệu: KCT, Biển số: 50R-024.00; giấy chứng nhận đăng ký rơ mooc số 024440 do Công an Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 16/7/2018 đối với sơ mi rơ mooc tải (chở container), Hiệu: KCT, Biển số: 50R-023.20.

Về án phí: Công ty C không phải chịu án phí. Trả lại cho Công ty C số tiền 36.285.340 đồng (ba mươi sáu triệu hai trăm tám mươi lăm ngàn ba trăm bốn mươi đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0026695 ngày 22/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty H phải nộp 34.280.297 đồng (ba mươi tư triệu hai trăm tám mươi ngàn hai trăm chín mươi bảy đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:
- VKSND Q.9;
- TAND TP. HCM;
- Chi cục THADS Q.9;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Võ Thị Mai Trâm